

Số: **36** /QĐ-THPTYH

Hà Nội, ngày **18** tháng 3 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố công khai quyết toán ngân sách năm 2024
của Trường THPT Yên Hòa

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG THPT YÊN HÒA

Căn cứ Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Điều lệ Trường trung học cơ sở, trung học phổ thông (THPT) và trường phổ thông có nhiều cấp học;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ; Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC;

Căn cứ Thông báo số 846/TB-SGDĐT ngày 18/3/2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội về việc thông báo xét duyệt quyết toán ngân sách năm 2024 đối với Trường Trung học phổ thông Yên Hòa;

Theo đề nghị của Kế toán Trường THPT Yên Hòa.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu quyết toán ngân sách năm 2024 của Trường THPT Yên Hòa (theo biểu đính kèm).

Điều 2. Quyết định có hiệu lực từ ngày ký.

Điều 3. Kế toán, các cá nhân và các bộ phận liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Sở GDĐT Hà Nội;
- Công thông tin điện tử;
- Đ/c Hiệu trưởng;
- Lưu: VT, KT.

HIỆU TRƯỞNG



Lê Hồng Chung

Đơn vị: Trường THPT Yên Hòa
Chương: 422

QUYẾT TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số 36./QĐ-THPTYH ngày 18/3/2025 của trường THPT Yên Hòa)

ĐV tính: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch	Ghi chú
1	2	3	4	5=4-3	6
A	Quyết toán thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
B	Quyết toán chi ngân sách nhà nước	15,123	15,123		
I	Nguồn ngân sách trong nước	15,123	15,123		
1	Chi quản lý hành chính				
2	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	15,123	15,123	-	
2.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	14,431	14,431	-	
2.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	692	692	-	

